

Mấy dòng màu đỏ là phải có, còn kiến thức màu đen học thiếu/nhờ thừa theo khả năng của bạn tìm hiểu cũng được.

1. Nêu cơ sở vật chất - kỹ thuật của vận tải đường biển

Phương tiện vật chất

Phân loại

- Mục đích sử dụng:

Buôn bán

Quân sự

Trú ẩn

Cá

Cạn / thông quan nội địa ICD (Inland Container Depot)

Phạm vi phục vụ

Nội địa / Quốc tế.

- Trang thiết bị của cảng

Trang thiết bị phục vụ tàu ra vào / Neo đậu làm hàng.

Trang thiết bị phục vụ việc xếp dỡ.

- Kho bãi

Đường giao thông / vận chuyển

Kho bãi

Khác

Phương tiện vận chuyển: Tàu biển

Tàu biển dùng vào mục đích kinh tế.

- Cơ sở kỹ thuật của cảng

Đất

Vùng đất liền được giới hạn.

- Cầu cảng

Tăng diện tích giải phóng hàng nhanh.

Kết cấu cố định hoặc kết cấu thuộc bến cảng.

- Kho bãi

Thiết bị bốc dỡ hàng hoá

Thiết bị đường giao thông

- Nhà xưởng
- Trụ sở

Hệ thống thông tin liên lạc

- Thiết bị nổi.

Nước

Vùng nước biển được giới hạn để thiết lập vùng nước tại cầu cảng

- Khu vực neo đậu
- Khu vực chuyển tải
- Khu tránh bão
- Khu đón trả hoa tiêu

- Phân loại:

+ Quy mô và mức độ quan trọng

Trong 34 cảng biển Việt Nam có 2 cảng biển loại đặc biệt là cảng biển Hải Phòng và cảng biển Bà Rịa – Vũng Tàu. Phân theo điểm:

- 2 đặc biệt >90
- 11 cảng biển loại I 70-90
- 7 cảng biển loại II 50-70
- 14 cảng biển loại II <50

+ Mục đích:

Tổng hợp

Chuyên dụng

Trung chuyển quốc tế

2. Nêu đặc điểm của vận tải bằng oto

Đặc điểm vận tải ô tô

- Ưu điểm

- Linh hoạt cơ động

Đặc điểm nổi bật hơn những phương thức vận tải khác.

Khả năng hoạt động của oto ở op nơi, và không bị lệ thuộc vào đường xá bến bãi.

Giao hàng tận nhà, khum gặp khó khăn nào.

Thủ tục đối với vận tải oto thường đơn giản. Dễ chuyên chở, số lượng hàng hoá ít -> dễ kiểm tra khi giao nhận hàng

> Ít sợ bị nhầm lẫn, ít tranh chấp

- Tốc độ

Tốc độ vận tải của oto < hàng không, = đường sắt, > biển

Oto giao nhận hàng nhanh, thời gian hàng hoá bị lưu giữ ở các điểm vận tải ngắn -> thời gian vận tải ngắn.

>Linh hoạt>

- Đầu tư ít

Làm đường oto không đòi hỏi nhiều vốn, do giá trị oto < tàu hỏa/máy bay -> DN vận tải mua được trong khả năng tài chính.

- Nhược điểm

- Trọng tải thấp

Nhỏ nhất so với các phương tiện khác -> Chi phí lớn.

Khoảng cách ngắn -> giá thành cao.

- Phụ thuộc điều kiện thiên nhiên

- Hệ số sử dụng thấp

Trong vận tải hàng hoá để tiết kiệm chi phí là pt không được chạy không tải.

Cước phí vận tải > tàu hỏa, thủy.

3. Vận tải đa phương thức là gì, hiệu quả của vận tải đa phương thức

– Vận tải đa phương thức (_Unimodal Transport_):

ít nhất là 2 phương thức vận tải,

chỉ sử dụng một chứng từ duy nhất và chỉ một người chịu trách nhiệm

Hiệu quả:

Mở rộng mạng lớn vận tải

Giảm giá thành

Tăng cường khả năng cạnh tranh và chất lượng hàng hoá

Giúp các DN tiếp cận nhanh đến với thị trường

Giảm thiểu những chứng từ không cần thiết cho quá trình vận chuyển

hàng

4. Vận đơn đường biển là gì, nêu chức năng, tác dụng của vận đơn đường biển

Bill of Lading (B/L), là một tài liệu vận chuyển quan trọng trong ngành vận tải hàng hải.

Được phát hành bởi hãng tàu hoặc công ty vận tải, vận đơn đường biển thường được sử

dụng để chứng minh quyền sở hữu của hàng hóa và thể hiện cam kết của nhà vận chuyển giao hàng hóa từ nơi gửi đến nơi nhận theo điều kiện đã thỏa thuận.

3 chức năng / tác dụng:

- bằng chứng xác nhận đã nhận hàng
Bằng chứng xác nhận hợp đồng vận tải đã được ký kết và chỉ rõ nội dung của hợp đồng đó - xác định quan hệ pháp lý giữa người vận tải và người chủ hàng, mà trong đó, đặc biệt là quan hệ pháp lý giữa người vận tải và người nhận hàng.
- giấy từ thanh toán
Biên lai của người vận tải xác nhận đã nhận hàng để chuyên chở. Người vận tải chỉ giao hàng cho người nào xuất trình trước tiên vận đơn đường biển hợp lệ mà họ đã ký phát ở cảng xếp hàng.
- hợp đồng
Chứng từ xác nhận quyền sở hữu đối với những hàng hóa đã ghi trên vận đơn, loại giấy tờ có giá trị, được dùng để cầm cố, mua bán, chuyển nhượng.

Nội dung (hổng biết có cần ghi vào bài thi không)

- Tên và địa chỉ người vận tải, những chỉ dẫn khác theo yêu cầu,
- Cảng xếp hàng (POL)
- Cảng dỡ hàng (POD)
- Tên và địa chỉ người gửi hàng,
- Tên và địa chỉ người nhận hàng, (rất quan trọng)
- Đại lý, bên thông báo chỉ định,
- Tên hàng, ký mã hiệu, số lượng kiện, trọng lượng cả bì hoặc thể tích,
- Cước phí và phụ phí trả cho người vận tải, điều kiện thanh toán,
- Thời gian và địa điểm cấp vận đơn,
- Số bản gốc vận đơn,
- Chữ ký của người vận tải (hoặc của thuyền trưởng hoặc người đại diện của thuyền trưởng, hoặc đại lý).

5. Nêu đặc điểm của vận tải đường sắt đối với hệ thống giao thông vận tải

Đặc điểm của vận tải đường sắt

Năng lực vận chuyển lớn

Trọng tải và dung tích của toa xe đường sắt chỉ kém hơn các PT chuyên chở đường biển (40 - 50 tấn/toa xe) Ở các nước PT, trọng tải trung bình của các đoàn tàu chở hàng là 5000 tấn.

Tốc độ vận chuyển cao

+ Tốc độ tàu hoả < máy bay, > tàu biển, ô tô

Tốc độ trung bình của 1 đoàn tàu là 100km/h

Chi phí nhân công, chi phí dịch vụ - cơ sở hạ tầng của đất nước cao.

Tốc độ tương đối cao của vận tải đường sắt rất phù hợp với việc chuyên chở hàng hoá, đòi hỏi giảm thời gian chuyên chở ở trên đường như hàng tươi sống, hàng có tính thời vụ.

Giá thành vận chuyển thấp

Mật độ vận chuyển (trọng tải)

- Tốc độ vận chuyển

Ít phụ thuộc vào thời tiết, thường xuyên, đúng giờ, an toàn hơn so với các phương thức vận tải khác

- Thời gian - giao hàng chất lượng, thời hạn.

Khổ đường sắt hẹp, khoảng cách giữa hai bánh xe: 1m, 1.5m => hạn chế phạm vi phục vụ của vận tải đường sắt.

Hàng hoá mà vận tải đường sắt thường chở có thể bao gồm các loại hàng sau đây:

1. ****Hàng hóa rời****
2. ****Hàng hóa công nghiệp và hàng hóa sản xuất****
3. ****Than và năng lượng****
4. ****Hàng hóa nông nghiệp****
5. ****Hàng hóa nguy hiểm****

Lịch sử vận tải của đường sắt đối với hệ thống giao thông vận tải

Đường sắt Việt Nam có lịch sử lâu đời và phát triển theo 2 giai đoạn chính.

- Giai đoạn đầu tiên bắt đầu (Cuối XIX -> 1954) khi Việt Nam còn là thuộc địa của Pháp. Trong thời kỳ này, Pháp đã xây dựng và vận hành hệ thống đường sắt ở miền Bắc Việt Nam. Tuyến đường sắt đầu tiên được xây dựng từ Sài Gòn đến Phú Thọ vào năm 1881. Sau đó mở rộng sang các thành phố khác như Hưng Yên, Lào Cai và Đồng Đăng.

- Giai đoạn thứ hai bắt đầu từ năm 1954 đến nay, khi Việt Nam trở thành một quốc gia độc lập. Các tuyến đường sắt mới được xây dựng nhằm mục đích kết nối các thành phố lớn như Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Hải Phòng.

6. Nêu ưu nhược điểm của vận tải hàng không

Đặc điểm

Thủ tục hải quan của bên hàng không rất đơn giản - trừ hàng nguy hiểm

- Ưu điểm:

Tuyến đường

Hai tuyến đường, chia làm hai đoạn (tìm hiểu)

Đường thẳng, không phụ thuộc vào địa hình mặt đất, không phải đầu tư xây dựng.

Tuyến đường <sắt, ô tô 20%

Tốc độ

Vận tải hàng không rất cao nên thời gian vận chuyển ngắn (1000km/h)

An toàn

- Công nghệ: Thay đổi kỹ thuật -> an toàn hơn.

- Con người: Có nhiều phương thức đảm bảo sự an toàn -> hạ đường khí.

So với các phương tiện khác, thì trang thiết bị phục vụ của vận tải hàng không là hiện đại nhất. Do máy bay bay cao nên không bị tác động bởi các điều kiện thiên nhiên (sét không ảnh hưởng đến việc bay, bay trên tầng mây - mưa bão) - sương mù không hạ cách được - phi công không nhìn thấy đường băng.

Công nghệ

Tránh sai sót dù là nhỏ nhất đối với các vụ tai nạn, vận tải hàng không đòi hỏi nhiều tiêu chuẩn rất khắt khe về công nghệ kỹ thuật.

- Nhược điểm:

Cước vận tải cao

Cước cao nhất trong các loại vận tải

Hàng hoá

Cần phân loại rất nhiều.

Đầu tư lớn

Phương tiện máy bay, sân bay, đào tạo nhân lực.

Đặc điểm hàng hoá

Hàng hoá cứu trợ khẩn cấp

Bắt buộc phải đến nhanh.

Hàng hoá giới hạn

Một số mặt hàng không thể chở được bằng đường không (hàng công kênh, hàng khối lượng lớn, hàng nguy hiểm)

Hàng hoá thông thường(Normal Goods)

Hay General Cargo trong vận tải hàng không là những mặt hàng được chấp nhận vận chuyển đường hàng không một cách dễ dàng, chiếm 80%

Những hàng hóa này không vi phạm về các quy định của đơn vị vận chuyển hay an ninh sân bay như: nội dung, kích thước, bao bì...

- Hàng hóa phải có kích thước đóng gói (dài x rộng x cao) không vượt quá khoang hàng của máy bay vận tải

- Bao bì đóng gói chắc chắn, chịu được việc vận chuyển và xếp dỡ hàng hóa

Bao bì không đảm bảo (bị ẩm mốc, rò rỉ, rách nát...) -> quá trình vận chuyển có thể xảy ra nhưng rủi ro cho sự an toàn của hàng hóa -> không được chấp nhận.

Để những hàng hóa này được chấp nhận thì người gửi cần đóng gói lại hàng hóa hoặc cần chuyển hàng đó sang loại khác để được phục vụ theo một quy trình riêng.

`Ví dụ:``

- Thư từ, [tài liệu](<https://als.com.vn/kho-tai-lieu-luu-tru-ho-so-cho-doanh-nghiep>), giấy tờ, hồ sơ, văn bản

- Hàng hóa tiêu dùng hàng ngày

- Đồ khô, thực phẩm (không yêu cầu đảm bảo nhiệt độ đặc thù bảo quản)

- Các kiện hàng ghép...

Hàng có giá trị cao

Vàng bạc, kim cương, đồ trang sức.

Hàng hoá dễ hư hỏng:

Hoa quả tươi, thực phẩm đông lạnh.

Hàng hoá nhạy cảm với thị trường

Hàng thời trang - quần áo mùa đông, vận chuyển từ VN sang Châu Âu, vận chuyển tàu thủy sang đây là hết thời gian.

Hàng hóa đặc biệt

Đây là loại hàng hoá phải đòi hỏi xử lý đặc biệt trong quá trình lưu trữ và vận chuyển liên quan đến thuộc tính hay giá trị của hàng hoá.

***Bao gồm các loại sau đây:**

1. Động vật sống

Động vật sống khi vận chuyển đòi hỏi phải **kiểm dịch và chăm sóc đặc biệt**, phải **vận chuyển nhanh** đảm bảo chất lượng.

2. Hàng hóa giá trị cao

3. Hàng hóa ngoại giao

4. Hàng cốt

5. Hàng dễ hỏng

6. Hàng nguy hiểm

7. Hàng hóa ướt

8. Hàng có mùi mạnh

9. Hàng hóa nặng

Mô tả ngắn về các loại hàng bên dưới:

****_Động vật sống : Mã avi_****

AvB = chim sống

AVF = cá sống nhiệt đới

Avx = gà sống

7. So sánh 2 hình thức chuyên chở hàng hoá bằng đường sắt và đường bộ (kể bảng)

Sắt	Bộ
<ul style="list-style-type: none">– Đa dạng phương tiện từ 1 tấn đến 35 tấn.– Phù hợp với nhiều khối lượng hàng hóa từ nhỏ đến lớn, hàng ghép, hàng nguyên chuyến, hàng công trình....– Giao nhận hàng hóa tận nơi, trên nhiều địa hình phức tạp từ đơn giản đến phức tạp.– Giao nhận được hầu hết các tỉnh thành trong cả nước.– Nhanh chóng: các tuyến đường trong nội tỉnh hoặc lân cận nội tỉnh có thể giao nhận ngay trong ngày hoặc vài tiếng đồng hồ.	<ul style="list-style-type: none">– Khối lượng vận chuyển hàng khá cao (trên 100 tấn).– Vận chuyển hàng ghép đến hàng nguyên toa, từ vài chục kg tới vài chục tấn.– Cơ sở hạ tầng an toàn, chắc chắn.– Hạn chế tối đa rủi ro về hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển.– Bảo đảm thời gian nhận hàng chính xác, cố định do lịch trình có sẵn.– Chi phí vận chuyển tương đối thấp và ổn định trong thời gian dài.
<ul style="list-style-type: none">– Cước vận chuyển cao hơn đường sắt và đường biển.	<ul style="list-style-type: none">– Thời gian vận chuyển lâu hơn đường bộ do lộ trình cố định, thời gian chờ đợi và trung chuyển tận nơi.– Không vận chuyển được các mặt hàng phức tạp, quá khổ, quá tải

8. Nêu cơ sở vật chất - kỹ thuật của vận tải đường không và hàng hoá vận chuyển qua đường hàng không

Cơ sở vật chất kỹ thuật

1. Cảng hàng không (Air port)

Nơi đỗ cũng như cất hạ cánh của máy bay, là nơi cung cấp các điều kiện vật chất kỹ thuật và các dịch vụ cần thiết liên quan tới vận chuyển hàng hoá và hành khách.

Có các khu vực làm hàng hoá:

hàng xuất,

hàng nhập,

hàng chuyển tải.

2. Máy bay

Công cụ chuyên chở của vận tải hàng không.

Loại chuyên chở hàng khách cũng có thể nhận chuyên chở hàng dưới boong.

Loại chỉ chở hàng.

Loại chuyên chở hàng và loại chở kết hợp cả khách cả hàng.

3. Trang thiết bị xếp dỡ và làm hàng

Xếp dỡ(nâng hàng) và vận chuyển hàng hoá /làm hàng theo đơn vị trong sân bay. Ngoài ra còn có các trang thiết bị riêng lẻ như pallet máy bay, container máy bay, container đa phương thức...

Đặc điểm hàng hoá

Hàng hoá cứu trợ khẩn cấp

Bắt buộc phải đến nhanh.

Hàng hoá giới hạn

Một số mặt hàng không thể chở được bằng đường không (hàng công kênh, hàng khối lượng lớn, hàng nguy hiểm

Hàng hoá thông thường(Normal Goods)

Hay General Cargo trong vận tải hàng không là những mặt hàng được chấp nhận vận chuyển đường hàng không một cách dễ dàng, chiếm 80%

Những hàng hóa này không vi phạm về các quy định của đơn vị vận chuyển hay an ninh sân bay như: nội dung, kích thước, bao bì...

- Hàng hóa phải có kích thước đóng gói (dài x rộng x cao) không vượt quá khoang hàng của máy bay vận tải

- Bao bì đóng gói chắc chắn, chịu được việc vận chuyển và xếp dỡ hàng hóa

Bao bì không đảm bảo (bị ẩm mốc, rò rỉ, rách nát...) -> quá trình vận chuyển có thể xảy ra nhưng rủi ro cho sự an toàn của hàng hóa -> không được chấp nhận.

Để những hàng hóa này được chấp nhận thì người gửi cần đóng gói lại hàng hóa hoặc cần chuyển hàng đó sang loại khác để được phục vụ theo một quy trình riêng.

`Ví dụ:``

- Thư từ, [tài liệu](<https://als.com.vn/kho-tai-lieu-luu-tru-ho-so-cho-doanh-nghep>), giấy tờ, hồ sơ, văn bản

- Hàng hóa tiêu dùng hàng ngày

- Đồ khô, thực phẩm (không yêu cầu đảm bảo nhiệt độ đặc thù bảo quản)

- Các kiện hàng ghép...

Hàng có giá trị cao

Vàng bạc, kim cương, đồ trang sức.

Hàng hoá dễ hư hỏng:

Hoa quả tươi, thực phẩm đông lạnh.

Hàng hoá nhạy cảm với thị trường

Hàng thời trang - quần áo mùa đông, vận chuyển từ VN sang Châu Âu, vận chuyển tàu thủy sang đây là hết thời gian.

Hàng hóa đặc biệt

Đây là loại hàng hoá phải đòi hỏi xử lý đặc biệt trong quá trình lưu trữ và vận chuyển liên quan đến thuộc tính hay giá trị của hàng hoá.

***Bao gồm các loại sau đây:**

1. Động vật sống

Động vật sống khi vận chuyển đòi hỏi phải **kiểm dịch và chăm sóc đặc biệt**, phải **vận chuyển nhanh** đảm bảo chất lượng.

2. Hàng hóa giá trị cao

3. Hàng hóa ngoại giao

4. Hàng cốt

5. Hàng dễ hỏng

6. Hàng nguy hiểm

7. Hàng hóa ướt

8. Hàng có mùi mạnh

9. Hàng hóa nặng

Mô tả ngắn về các loại hàng bên dưới:

Động vật sống : Mã avi

AvB = chim sống

AVF = cá sống nhiệt đới

Avx = gà sống

9. Nêu khái niệm và ưu điểm của vận tải container

Khái niệm

Công cụ chứa hàng phổ biến và hữu hiệu trong giao nhận vận tải đường biển, đường bộ và thủy nội địa.

Ưu điểm

Để chứa hàng?

Phân loại container

Theo kích thước

Container nhỏ

Là loại có tải trọng trung bình dưới 5 tấn, dung tích dưới 3m³

Container trung bình

Là loại có tải trọng trung bình dưới 8 tấn, dung tích dưới 10m³

Container lớn

Là loại có tải trọng trung bình trên 10 tấn, dung tích hơn 10m³

Theo vật liệu

Hiện nay, các container được sử dụng chuyên chở hàng hóa đa phần đều được làm bằng vật liệu thép.

Nếu phân loại đúng về vật liệu container thì đó là phân loại theo vật liệu lót sàn container gồm: gỗ ép nguyên thanh, gỗ dán, nhựa tổng hợp, nhôm hoặc sắt tùy vào từng mục đích sử dụng.

Theo cấu trúc

- Closed Container (container kín).
- Open Container (container mở).
- Frame Container (container khung).
- Tilt Container (container gập).
- Flat Container (container phẳng).
- Rolling Container (container có bánh).

Theo công dụng

1. Container dùng để chuyên chở hàng bách hóa

- Container kín 1 cửa.
- Container kín có cửa ở một đầu và các bên.
- Container có cửa ở trên nóc, mở cạnh.
- Container mở trên nóc – mở bên cạnh.
- Container mở trên nóc – mở bên cạnh – mở ở đầu.
- Container có hai nửa (half - height container).
- Container có lỗ thông hơi.

Nhóm 2: Container chở hàng rời

Chuyên chở hàng không có kích thước và không có hình dạng cố định: xà phòng bột, thóc hạt, hoặc các loại hạt nhỏ...

Container này có cửa ở trên nóc.

Nhóm 3: Container bảo ôn/nóng/lạnh

Nhóm 4: Thùng chứa.

Thiết kế dựa trên các chuẩn khung container 20ft, 40ft và 45ft

		20' container		40' container		45' high-cube container	
		imperial	metric	imperial	metric	imperial	metric
Kích thước phủ bì	Dài	19' 10½"	6.058 m	40' 0"	12.192 m	45' 0"	13.716 m
	Rộng	8' 0"	2.438 m	8' 0"	2.438 m	8' 0"	2.438 m
	Cao	8' 6"	2.591 m	8' 6"	2.591 m	9' 6"	2.896 m
Kích thước lọt lòng	Dài	18' 10 ⁵ / ₁₆ "	5.758 m	39' 5 ⁴⁵ / ₆₄ "	12.032 m	44' 4"	13.556 m
	Rộng	7' 8 ¹⁹ / ₃₂ "	2.352 m	7' 8 ¹⁹ / ₃₂ "	2.352 m	7' 8 ¹⁹ / ₃₂ "	2.352 m
	Cao	7' 9 ⁵⁷ / ₆₄ "	2.385 m	7' 9 ⁵⁷ / ₆₄ "	2.385 m	8' 9 ¹⁵ / ₁₆ "	2.698 m
Khẩu độ cửa	Rộng	7' 8 ½"	2.343 m	7' 8 ½"	2.343 m	7' 8 ½"	2.343 m
	Cao	7' 5 ¾"	2.280 m	7' 5 ¾"	2.280 m	8' 5 ⁴⁹ / ₆₄ "	2.585 m
Thể tích		1.169 ft³	33.1 m³	2.385 ft³	67.5 m³	3.040 ft³	86.1 m³
Khối lượng tối đa		52.910 lb	24.000 kg	67.200 lb	30.480 kg	67.200 lb	30.480 kg
Trọng lượng rỗng		4.850 lb	2.200 kg	8.380 lb	3.800 kg	10.580 lb	4.800 kg
Tải trọng thực		48.060 lb	21.600 kg	58.820 lb	26.500 kg	56.620 lb	25.680 kg

Nhóm 5: Đặc biệt.

Theo tiêu chuẩn ISO, container chở gia súc là loại đặc biệt, có thể được hoặc không được tái sử dụng lại thành container bách hóa (do đặc thù được phân ngăn thành chuồng khi chở).